Phụ lục III

SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 714/BC-LQD

Bình Sơn, ngày 28 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường THPT Lê Quý Đôn

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: 183 Trần Công Hiến – Thị trấn Châu Ổ – Bình Sơn - Quảng Ngãi

Điện thoại: 02553.851024

Website: https://c3lequydon.quangngai.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập về nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Đào tạo ra những thế hệ học sinh vừa hồng vừa chuyên có đầy đủ năng lực, đạo đức để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

4.2. Tầm nhìn

Tiếp tục phấn đấu giữ vững thành tích, phấn đấu đến năm 2030 sẽ khẳng định vị thế của nhà trường có chất lượng giáo dục tốt, là nơi học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện có khát vọng vươn tới đỉnh cao, là nơi giáo viên mong muốn được công tác ở trường.

4.3. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có chất lượng và hiệu quả cao, có mô hình giáo dục, hướng đến

thân thiện, hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, có uy tín và chất lượng cao, tạo được niềm tin ở cha mẹ học sinh và của các cấp lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể.

Phát triển toàn diện đức, trí, lao, thể, mĩ. Hình thành phẩm chất, nhân cách, năng lực công dân. Tìm tòi, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

Trong giáo dục không những dạy chữ mà còn dạy kiến thức kỹ năng, kết hợp giáo dục lí tưởng truyền thống. Trang bị kiến thức ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành. Vận dụng kiến thức vào thực tiễn nhằm phát triển khả năng sáng tạo và tự học.

Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, xây dựng trường học thân thiện, tạo ra môi trường lành mạnh cho học sinh phát huy khả năng học tập và rèn luyện.

Xây dựng đội ngũ sư phạm vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp, có tâm huyết với nghề, yêu mến ngôi trường mình đang công tác và đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập của học sinh trên các mặt "Đức - Trí - Văn - Thể - Mỹ "; giáo dục học sinh các đức tính: trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, năng động thích nghi với môi trường; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.

Xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, có đầy đủ cơ sở vật chất để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh; tạo lập môi trường thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, trở thành một trong những trường THPT tiên tiến, hiện đại, thúc đẩy địa phương phát triển nhanh, mạnh, bền vững phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Xây dựng trường học hạnh phúc theo 43 /KH- LQĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 của trường THPT Lê Quý Đôn về việc xây dựng trường học hạnh phúc năm học 2024-2025 gồm 20 tiêu chí, với 03 nhóm tiêu chuẩn, cụ thể: Nhóm tiêu chuẩn về Con người: gồm 06 tiêu chí; Nhóm tiêu chuẩn về Dạy học và hoạt động giáo dục: gồm 08 tiêu chí; Nhóm tiêu chuẩn về Môi trường: gồm 06 tiêu chí.

4.4. Mục tiêu cụ thể

Tăng cường sự lãnh đạo của Cấp ủy, Đảng bộ, phát huy sức mạnh hệ thống chính trị của cơ sở trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, xây dựng khối đoàn kết trong đội ngũ và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lí nhà nước, tất cả hướng đến sự ổn định, phát triển của đơn vị. Tiếp tục hoàn thiện các nội qui, quy chế, qui trình tổ chức quản lý, quản trị nhà trường, đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ cơ sở, các quy định về đạo đức nhà giáo, quy tắc ứng xử trường học, xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, Cán bộ quản lý, giáo viên gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường, thực hiện giám sát, đánh giá, ghi nhận các phản ánh, ý kiến của người học và gia đình người học để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

Triển khai và thực hiện tốt chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới: tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tiếp tục học bồi dưỡng chuyên môn theo Chương trình mới.

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất; bảo đảm an toàn trường học; rà soát các phương án đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh, thực hiện tốt công tác phòng chống tai nạn thương tích, chống đuối nước, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh.

Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của người học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề trong thực tiễn; tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, lồng ghép định hướng nghề nghiệp.

Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học và quản lý giáo dục; thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy, học; nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động dạy học trực tuyến, làm nền tảng để xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của học sinh và nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

Tích cực triển khai công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên; nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp trong việc tổ chức, phối hợp giáo dục học sinh. Tạo điều kiện cho giáo viên hoàn thiện bồi dưỡng theo yêu cầu của tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp; Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của cơ quan cấp trên.

Tập trung đầu tư và xây dựng chính sách phù hợp cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; phụ đạo học sinh yếu để nâng cao chất lượng mũi nhọn và giảm thiểu học sinh lưu ban, bỏ học. Nâng cao tỷ lệ bình quân điểm số các bộ môn thi tốt nghiệp THPT.

Tăng cường xã hội hóa cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; phát huy hiệu quả hoạt động Hội khuyến học và thu hút, huy động mọi nguồn để góp phần xã hội hóa giáo dục đúng luật và hiệu quả.

Học sinh được phát triển toàn diện các mặt:

Về tư tưởng chính trị: Giáo dục lòng yêu nước yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức cống hiến phấn đấu cho lý tưởng dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Về đạo đức: Giáo dục các em để trở thành những công dân gương mẫu, có lối sống trong sạch lành mạnh, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; đủ bản lĩnh đấu tranh chống cái xấu, tránh xa các tệ nạn xã hội.

Về kiến thức văn hóa: Các em được trang bị những kiến thức theo chương trình phổ thông của Bộ. Trong quá trình học tập, các em được rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, độc lập, sáng tạo, tập làm quen với công tác nghiên cứu khoa học và được định hướng

nghề nghiệp phù hợp với năng lực và nhu cầu xã hội.

Về ngoại ngữ: Sau ba năm học ở trường các em được trang bị kiến thức, kỹ năng giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh với người nước ngoài, có thể sử dụng các thông tin trên mạng internet bằng Tiếng Anh phục vụ cho việc học tập.

Về tin học: Trang bị những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập; biết cách sử dụng và khai thác công nghệ thông tin có hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin, internet phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học.

Về thể chất: Được rèn luyện thân thể, bảo đảm sức khỏe để sinh hoạt và học tập, ngoài ra còn có thể tham gia các môn thể thao khác mà các em yêu thích, đáp ứng nhu cầu vận động giải trí của các em.

Về thẩm mỹ: Các em được trang bị những kiến thức cơ bản để nhận thức đúng đắn về cái đẹp, có thể thưởng thức cái đẹp trong cuộc sống nói chung và trong các lĩnh vực âm nhạc, hội họa, nhiếp ảnh, điện ảnh ... nói riêng một cách có văn hóa. Khuyến khích học sinh tích cực tham gia sinh hoạt các câu lạc bộ để rèn luyện thêm kỹ năng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Lê Quý Đôn được thành lập theo Quyết định số 1193/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 13 tháng 9 năm 1993 mang tên Trường THPT Bán công Bình Sơn. Ngày 01/08/2011, theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi, trường được chuyển sang hệ công lập và mang tên Trường THPT Lê Quý Đôn. Ở năm học đầu tiên, trường chỉ có 08 cán bộ, giáo viên và nhân viên, với 120 học sinh.

Với cơ sở vật chất ban đầu còn thiếu thốn khó khăn, nhà trường đã từng bước phối hợp với các tổ chức và ban đại diện cha mẹ học sinh đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất khang trang như ngày hôm nay. Đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu dạy và học.

Tập thể sư phạm nhà trường phần lớn là các giáo viên trẻ tràn đầy nhựa sống và tâm huyết với nghề, có ý thức trách nhiệm trong công tác. Sự năng động sáng tạo của những giáo viên trẻ luôn đem lại những luồng gió mới trong các bài giảng thu hút được các em học sinh, mang lại những tiết dạy tốt, học tốt.

Suốt bao năm qua sự phấn đấu vượt qua khó khăn của thầy và trò ngày càng làm dày thêm thành tích của trường. Hiệu suất đào tạo của trường ngày càng được nâng cao, tỉ lệ tốt nghiệp nhiều năm liền trên bình quân chung của tỉnh. Tỷ lệ đậu đại học, cao đẳng ngày một nâng cao. Học sinh của trường có nhiều cố gắng và đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi. Nhiều giáo viên của trường tích cực tham gia và đạt giáo viên giỏi cấp Trường, cấp Tỉnh.

Với những kết quả đã đạt được nhà trường được các cấp lãnh đạo đánh giá cao và tin tưởng. Nhiều năm liền trường đạt tập thể lao động xuất sắc và nhận 01 Cờ thi đua của Bộ GDĐT, 03 Bằng khen của UBND Tỉnh, nhiều Giấy khen của Sở GDĐT Quảng Ngãi.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Lê Chấn Thi Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Lê Quý Đôn, 183 Trần Công Hiến, Thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Số điện thoại: 0987913176

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường:

Trường THPT Lê Quý Đôn được thành lập theo Quyết định số 1193/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 13 tháng 9 năm 1993 mang tên Trường THPT Bán công Quảng Ngãi, trường được chuyển sang hệ công lập và mang tên Trường THPT Lê Quý Đôn.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

DANH SÁCH

BỔ SUNG, KIỆN TOÀN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG NHIỆM KỲ 2020-2025

(Kèm theo Quyết định số 2991/QĐ-SGDĐT ngày 23/10/2024 của Sở GDĐT Quảng Ngãi về việc Kiện toàn Hội đồng trường, Trường THPT Lê Quý Đôn, nhiệm kỳ 2020 - 2025)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Chấn Thi	Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng	
2	Bà Lê Thị Nữ	Phó Hiệu trưởng	
3	Ông Nguyễn Tấn Quang	Phó Hiệu trưởng	
4	Bà Phan Thị Thanh Bình	Chủ tịch Công đoàn	
5	Ông Phạm Thành Nghĩa	Bí thư Đoàn trường	
6	Bà Bùi Thị Đông	Tổ trưởng chuyên môn	
7	Ông Nguyễn Nhật Thi	Tổ trưởng chuyên môn	
8	Ông Phạm Hồng Vỹ	Tổ trưởng chuyên môn	
9	Bà Nguyễn Thị Bạch Yến	Tổ trưởng chuyên môn	
10	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Tổ trưởng chuyên môn	
11	Bà Nguyễn Thị Mai	Tổ trưởng chuyên môn	
12	Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	
13	Mời: Ông Phạm Quang Sự	PCT Thường trực UBND huyện Bình Sơn	
14	Ông Nguyễn Văn Thanh	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	
15	Đại diện học sinh	Học sinh	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục:

- Quyết định số 652/QĐ-SDGĐT ngày ngày 10 tháng 5 năm 2023 của của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục (Đồng chí Lê Chấn Thi – giữ chức vụ Hiệu trưởng nhiệm kỳ 5 năm, từ 15/5/2023 - 15/5/2028)

- Quyết định số 1373/QĐ-SDGĐT ngày ngày 10 tháng 11 năm 2020 của của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục (Đồng chí Nguyễn Tấn Quang - giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, nhiệm kỳ 5 năm, từ 20/11/2020 - 20/11/2025)

- Quyết định số 2155/QĐ-SDGĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý. (Đồng chí Lê Thị Nữ - giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, nhiệm kỳ 5 năm, từ 02/9/2024 - 02/9/2029)

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

1. Tổ chức bộ máy nhà trường

- Điều hành toàn bộ công việc và hoạt động của nhà trường. Quyết định mọi mặt về tổ chức và hoạt động của nhà trường;

- Phân công nhiệm vụ các Phó Hiệu trưởng. Bổ nhiệm, chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn...

- Thành lập các Hội đồng, các tổ chuyên môn, các bộ phận. Xây dựng quy chế hoạt động bộ máy nhà trường.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học

- Lập kế hoạch hàng năm, ấn định lịch công tác hàng tháng, hàng tuần. Phối hợp điều hòa các hoạt động giáo dục trong trường;

- Chỉ đạo thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường theo đúng tinh thần nhiệm vụ năm học.

3. Quản lý nhân sự

- Quản lý giáo viên, nhân viên trong các hoạt động giáo dục và những hoạt động khác có liên quan. Ký hợp đồng tuyển dụng giáo viên, nhân viên làm việc với nhà trường. Ký đồng ý cho giáo viên được thuyên chuyển, nghỉ việc;

- Kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các Phó Hiệu trưởng và các giáo viên, nhân viên trong năm học. Đề nghị cấp trên khen thưởng và kỷ luật giáo viên, nhân viên;

- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên;

- Tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; Quản lý giáo viên dạy thêm;

- Duyệt nghỉ phép, nghỉ việc riêng cho cán bộ giáo viên, nhân viên.

4. Quản lý và tổ chức giáo dục học sinh

- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với học sinh; Điều hành công tác tuyển sinh;
- Chỉ đạo các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh; Quyết định khen thưởng, kỷ luật, ký giấy khen học sinh giỏi, học sinh tiên tiến và học sinh đạt thành tích thể dục thể thao.

5. Quản lý chuyên môn

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch, kiểm tra nội bộ nhà trường;
- Tổ chức thi đua của giáo viên nhân viên và học sinh;
- Chỉ đạo và tổ chức các kỳ thi và công tác ra đề thi các kỳ thi nội bộ của nhà trường;
- Tổ chức thực hiện sổ điểm điện tử của nhà trường;
- Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và giảng dạy;
- Chỉ đạo việc xây dựng và kiểm tra nội dung trang thông tin điện tử của trường;
- Dạy 2 tiết/tuần môn Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

6. Quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường

- Quản lý chế độ sinh hoạt, hội họp của giáo viên, nhân viên và học sinh;
- Quản lý các loại kinh phí, các loại quỹ theo qui định;
- Xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ; Chỉ đạo lập dự toán và quyết toán chi thu hàng năm;
- Quản lý việc tổ chức thực hiện các khoản thu, chi; kiểm tra ngăn chặn việc thu sai qui định của bộ phận, cá nhân trong nhà trường.

7. Tổ chức công tác giáo dục tư tưởng chính trị, công tác giữ gìn an ninh trật tự, tạo dựng môi trường sư phạm thân thiện.

- Chỉ đạo thực hiện việc Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Xây dựng đội ngũ Hội đồng sư phạm đoàn kết, tận tụy, có trách nhiệm;
- Chỉ đạo công tác pháp chế, hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, PCCC trong nhà trường;
- Chỉ đạo thực hiện phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", "Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo"; đổi mới sáng tạo trong dạy và học...

8. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo, phối hợp làm việc

- Kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi, Huyện ủy Bình Sơn;

- Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường với Sở Giáo dục, chính quyền địa phương, với các cơ quan ban ngành, đoàn thể trong thành phố. Tạo mối quan hệ gắn bó, hợp tác giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

- Chủ động chỉ đạo và phối hợp công tác Đoàn thanh niên và phối hợp với Công đoàn.

9. Tổ chức các hội nghị giáo viên, nhân viên, hội nghị liên tịch định kỳ và bất thường để thực hiện chế độ quần chúng tham gia quản lý trường học.

- Đầu năm học tổ chức hội nghị giáo viên, nhân viên để báo cáo tình hình mọi mặt của nhà trường và thu thập ý kiến đóng góp xây dựng nhà trường;

- Triệu tập và chủ trì họp giao ban để trao đổi và phối hợp công tác trong các phong trào thi đua toàn diện;

- Chủ trì cuộc họp Hội đồng trường, Hội đồng giáo dục hàng tháng, duyệt hạnh kiểm học sinh; triển khai kế hoạch, lấy ý kiến đóng góp, trao đổi biện pháp thực hiện kế hoạch, bàn bạc hướng giải quyết các sự việc;

- Chủ trì các cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng vào cuối học kỳ, cuối năm học, Hội đồng kỷ luật giáo viên, nhân viên, học sinh;

+ 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Đảng bộ và 3 chi bộ, có 47 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 88 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 1.326 đoàn viên, thanh niên khối THPT với 33 chi đoàn thuộc Đoàn trường.

+ Ban đại diện CMHS có 07 thành viên.

+ Có 10 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

- Trường THPT Bán công Bình Sơn được thành lập theo Quyết định số 1193/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 13 tháng 9 năm 1993.

- Ngày 01/08/2011, theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi, trường THPT bán công Lê Quý Đôn được chuyển sang hệ công lập và mang tên Trường THPT Lê Quý Đôn.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Chấn Thi	Hiệu trưởng	0987913176	chanthivt@gmail.com
2	Nguyễn Tấn Quang	Phó Hiệu trưởng	0986800858	tanquanglqd@gmail.com
3	Lê Thị Nữ	Phó Hiệu trưởng	0843222736	nule.lequydon@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- **Chiến lược phát triển của trường THPT Lê Quý Đôn**

Kế hoạch số 22/KH-LQĐ ngày 05 tháng 09 năm 2023 về Kế hoạch chiến lược phát triển Trường THPT Lê Quý Đôn giai đoạn 2023 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 (Đính kèm kế hoạch)

- **Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường THPT Lê Quý Đôn**

Quyết định số 85a/QĐ- LQĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn về Ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của trường THPT Lê Quý Đôn (Đính kèm quyết định)

- **Quy chế tổ chức và hoạt động trường THPT Lê Quý Đôn**

Quyết định số 74A/QĐ - LQĐ ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THPT Lê Quý Đôn năm học 2024 - 2025 (Đính kèm quyết định)

- **Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng trường THPT Lê Quý Đôn**

Quyết định số 3241/QĐ- SGDĐT, ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Giám đốc sở GDĐT Quảng Ngãi về việc Công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường THPT nhiệm kỳ 2020- 2025 (Đính kèm quyết định)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(File Excel đính kèm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
1	Diện tích đất	12.778m^2	12.778m^2

TT	Chỉ số đánh giá	Báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
2	Diện tích sàn/người học (m^2)	9,55 m^2	9,55 m^2
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	50%	50%
4	Số đầu sách	8.014	7.015
5	Số bản sách/người học	6/người học	5/người học

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sàn (m^2)
1	Trường THPT Lê Quý Đôn	183 Trần Công Hiến, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12.778m^2	12.778m^2

2.1. Phòng học, phòng bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành

- Phòng học: 33 phòng mỗi phòng 54m^2
- Phòng thí nghiệm, thực hành; phòng học bộ môn

+ 01 phòng học Thực hành Tin (diện tích: 78m^2)

+ 01 phòng học Thực hành Lý - CN: 101,4m^2

+ 01 phòng thực hành Hóa: 103,35m^2

+ 01 phòng thực hành Sinh-CN: 101,4m^2

+ 01 phòng dạy Ngoại ngữ: 76,7 m^2

+ 03 phòng tổ bộ môn:

* Toán: 24m^2

* Sử-KTPL-Địa:52m^2

* GDTC-QPAN: 24m^2

* Các tổ Lý- CN, Hóa, Sinh- CN, Ngoại ngữ và Tin học: Sinh hoạt tại phòng thí nghiệm thực hành của bộ môn.

* Tổ Ngữ văn sinh hoạt tại phòng đọc của Thư viện.

2.2. Khối Hành chính-Quản trị: 14 phòng

- Hội trường: không
- 03 phòng làm việc của Lãnh đạo nhà trường mỗi phòng: 95,4m^2
- 06 phòng làm việc của các phòng, ban (Phòng họp, Y tế, Đoàn thanh niên, Kế toán,

Văn thư, Tư vấn học đường): 250m^2.

- 01 phòng truyền thống: 47,52m^2
- 01 phòng thư viện: 47,52m^2
- 01 phòng đọc sách: 47,52 m^2

2.3. Khu sân chơi, bãi tập

- Diện tích: 6.700m^2
- 01 Nhà tập thể chất: 1.392m^2

2.4. Hệ thống nước sạch, khu vệ sinh

- Nhà trường có 02 giếng khoan đảm bảo cung cấp nước cho sinh hoạt.
- Nước uống: Sử dụng nước uống Thạch Bích và Vikoda.

2.5. Khu vệ sinh

- Khu vệ sinh của cán bộ, giáo viên và nhân viên: 01 (nhà 2 tầng), liền kề dãy Nhà Hiệu bộ.
- Khu vệ sinh của học sinh: 04 khu riêng biệt cho nam, nữ; liền kề các dãy phòng học và Nhà Đa năng.

2.6. Tường rào, cổng ngõ, sân trường, nhà để xe

- Tường rào, cổng ngõ được xây dựng kiên cố bao quanh.
- Sân trường: Đã được lát gạch block tương đối khang trang.
- Nhà để xe: 01 nhà để xe dành cho giáo viên, 02 nhà để xe dành cho học sinh.

2.7. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối Internet

- Số lượng phòng học đa năng có ứng dụng CNTT: 01 (phòng học bảng tương tác).
- Số phòng thực hành máy vi tính: 01 phòng với 43 máy vi tính.
- Số lượng máy tính phục vụ công tác quản lý, hành chính: 17.
- Số lượng đường truyền Internet, kết nối mạng: 03.
- Số lượng Router/Modem wifi cung cấp Internet cho giáo viên khu vực Nhà Hiệu bộ: 03.
- Số lượng Router/Modem wifi cung cấp Internet cho học sinh: Dùng chung với giáo viên.
- Số lượng Smart Tivi được lắp đặt tại các phòng học: 12.

2.8. Nhà Căng tin:

Có diện tích 70m^2, đang thực hiện hợp đồng cho thuê từ năm học 2024- 2025.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trường THPT Lê Quý Đôn
- Tên viết tắt: Trường không có tên viết tắt

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Cấp độ 2.

+ Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ: Mức độ 1.

+ Mức độ đạt kiểm định: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ: Cấp độ 2 (năm 2021).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
10	12	502	12	482	10	2.2	Chuyển sang học nghề			
11	12	452	12	443	9	2.0	Chuyển sang học nghề			
12	10	421	12	421	0	0.00		0		
Tổng	34	1373	34	1326	19	4.2		0		

2. Kết quả hoạt động chuyên môn

2.1. Đối với học sinh

- Về học lực:

+ Khối 12:

*Giỏi: 86 (20,43%); Khá: 208 (49,4%); TB: 127 (30,2%); Yếu, kém: 0; TB trở lên 421 (100%).

+ Khối 10, 11:

*Tốt: 119 (13,93%); Khá: 327 (38,29%); Đạt: 349 (40,87%); Chưa Đạt: 59 (6,91%); Đạt trở lên: 793 (92,9%).

- Về hạnh kiểm:

+ Khối 12:

*Tốt: 402 (95,5%); Khá: 19 (4,51%); Trung bình, Yếu: không có (0,0%); Trung bình trở lên 421 (100%.)

+ Khối 10, 11:

*Tốt: 697 (81,6%); Khá: 132 (15,5%); Đạt: 24 (2,81%); Chưa Đạt: không có; Đạt trở lên: 854 (100%).

- Về thành tích đạt được trong năm:

+ Học sinh giỏi cấp tỉnh: 04 học sinh (trong đó, khối 12 có 01 học sinh đạt giải KK môn Địa lý và 01 học sinh đạt giải KK môn Lịch sử; khối 11 có 01 học sinh đạt giải III môn Địa, 01 học sinh đạt giải KK môn Lịch Sử).

+ Hội thi "ATGT nụ cười ngày mai" có 01 học sinh đạt giải Khuyến khích cấp Bộ.

+ Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh đoạt 21 huy chương: 07 HCV; 07 HCB, 07 HCĐ

+ Lớp 12 Có 86 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Giỏi; có 208 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Tiên tiến.

+ Lớp 10, 11 Có 07 học sinh xuất sắc, 112 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Giỏi.

2.2. Đối với giáo viên

- Kiểm tra Hồ sơ giáo viên: 70 hồ sơ (đạt 92,1%); trong đó có 40 Hồ sơ xếp loại Tốt và 30 Hồ sơ xếp loại Khá.

- Kiểm tra Hồ sơ quản lý của Tổ trưởng chuyên môn: 10 hồ sơ (đạt 100%); trong đó có 06 Hồ sơ xếp loại Tốt và 04 Hồ sơ xếp loại Khá.

- Số lần sinh hoạt chuyên môn qua nghiên cứu bài học: 20/10 tổ.

- Số lần sinh hoạt qua chủ đề, chuyên đề: 20/10 tổ.

- 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và 15,15 đạt trên chuẩn.

- Có 07 Sáng kiến được công nhận cấp cơ sở.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH: (Có File đính kèm)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

Trong năm học vừa qua, Trường THPT Lê Quý Đôn đã xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhằm tối ưu hóa việc sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Nhà trường đã tiến hành kiểm tra, nâng cấp các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện để đảm bảo điều kiện học tập tốt nhất cho học sinh. Cơ sở vật chất được bố trí khoa học, thuận tiện nhằm tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn. Bên cạnh đó, việc phân bổ đội ngũ giáo viên cũng được xem xét kỹ lưỡng dựa trên năng lực chuyên môn và phù hợp với các môn học để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Quản lý và sử dụng thiết bị dạy học cũng được chú trọng, đảm bảo các thiết bị được bảo trì, kiểm tra sửa chữa định kỳ, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Trường đã tích cực áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức dạy học hiện đại nhằm nâng cao kỹ năng và kiến thức cho học sinh. Các phương pháp như dạy học theo dự án, học nhóm, thảo luận, sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đã được triển khai rộng rãi. Giáo viên thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực giảng dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến, khuyến khích học sinh chủ động tham gia, phát huy tính sáng tạo và tư duy phản biện. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hội thi, giúp học sinh

phát triển toàn diện các kỹ năng mềm và kỹ năng sống.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện một cách khách quan, công bằng và toàn diện. Nhà trường đã áp dụng các hình thức kiểm tra như kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên, dự án, bài tập về nhà, và đánh giá năng lực qua các hoạt động thực tiễn. Phương pháp đánh giá theo hướng phát triển năng lực giúp học sinh tự nhận thức rõ điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để phấn đấu nâng cao hơn. Đồng thời, giáo viên cũng thường xuyên tổ chức nhận xét, góp ý xây dựng nhằm thúc đẩy quá trình học tập của học sinh.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Nhà trường đã chú trọng công tác hướng nghiệp cho học sinh từ lớp 10, 11, 12. Các hoạt động tư vấn, hội thảo, ngày hội hướng nghiệp được tổ chức định kỳ, mời các chuyên gia, doanh nghiệp đến chia sẻ, giới thiệu các ngành nghề phù hợp với năng lực và sở thích của học sinh. Các lớp học kỹ năng, tư vấn về thị trường lao động cũng được đẩy mạnh nhằm giúp học sinh xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp, trang bị kỹ năng cần thiết để hội nhập tốt sau khi ra trường. Nhờ đó, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp có định hướng rõ ràng, chuẩn bị tốt cho bước tiếp theo của hành trình học tập hoặc làm việc.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

Trường THPT Lê Quý Đôn tích cực tham gia các kỳ thi, cuộc thi cấp Tỉnh như kỳ thi học sinh giỏi, Olympic, thi tốt nghiệp, và các cuộc thi sáng tạo, khoa học kỹ thuật. Nhà trường đã chuẩn bị kỹ lưỡng về kiến thức, kỹ năng và tâm lý cho học sinh, tạo điều kiện tối đa để các em thể hiện năng lực. Kết quả các kỳ thi đã phản ánh rõ sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh, góp phần nâng cao uy tín và thành tích của nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

Kết luận

Trong năm học vừa qua, Trường THPT Lê Quý Đôn đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác xây dựng kế hoạch giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng hướng nghiệp và tham gia các kỳ thi. Những kết quả này góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chuẩn bị tốt hành trang cho học sinh bước vào cuộc sống và sự nghiệp tương lai. Nhà trường tiếp tục phấn đấu đổi mới, sáng tạo để ngày càng phát triển và trở thành địa chỉ tin cậy trong giáo dục của địa phương.

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Nhà trường thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học

sinh, tuyên truyền tuân thủ pháp luật, các chủ trương, chính sách pháp luật của đảng và nhà nước; thực hiện văn hóa ứng xử, văn hóa học đường. Xây dựng các câu lạc bộ tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh trong đó chú trọng đến công tác tổ chức, quản lý và nội dung hoạt động về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, xây dựng các mô hình hoạt động mang tính truyền thống thông qua các hoạt động lễ hội, hội thảo, tập huấn, sinh hoạt dưới cờ, hội thi, sinh hoạt chuyên đề nhằm thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; giáo dục đạo đức, lối sống, xây dựng văn hóa học đường, góp phần thực hiện thành công chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

Nhà trường triển khai thực hiện xây dựng nhà trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức đoàn thể trong việc triển khai thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường, có biện pháp phát hiện và ngăn chặn kịp thời những tác hại tiêu cực trong việc sử dụng Internet, game mạng có nội dung xấu và không lành mạnh trong học sinh.

c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

Nhà trường sẽ triển khai thực hiện nghiêm Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ lý luận chính trị, các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo quản lý, giáo viên.

Phối hợp công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn có cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo tốt cho mọi hoạt động giáo dục của nhà trường. Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên quan tâm chỉ đạo chăm sóc, tu bổ, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Nhà trường đã xây dựng được Chiến lược phát triển làm cơ sở định hướng cho các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục phù hợp với từng năm học.

Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ, kịp thời đúng quy định.

Nhà trường có nhiều biện pháp phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Bảo đảm hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành, trao đổi thông tin thông suốt kịp thời trong nội bộ nhà trường và từ trường đến Sở Giáo dục và Đào tạo, tăng cường việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa trường với Sở Giáo dục và Đào tạo qua đường truyền Internet.

Thực hiện tốt công tác thông tin, phối hợp nhanh giữa nhà trường và gia đình học sinh thông qua các kênh zalo, Website, Facebook của trường, SMS, mail, gọi điện thoại, trao đổi trực tiếp tại trường.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 của Trường THPT Lê Quý Đôn.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT (Phòng GDTH);
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

Lê Chấn Thi

SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

ĐV tính: đồng

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
A	**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**			
I	**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP**	**18.606.305.000**	**14.623.559.058**	
1	**Kinh phí thường xuyên (13)**	**17.304.000.000**	**13.774.709.058**	
	Kinh phí tự chủ	*15.835.000.000*	*13.474.709.058*	
	Kinh phí cải cách tiền lương	*1.469.000.000*	*300.000.000*	
2	**Kinh phí không thường xuyên (12)**	**807.305.000**	**848.850.000**	
	Cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập	*57.305.000*	*88.000.000*	
	Học bổng học sinh khuyết tật (TTLT42)	*7.200.000*	*12.000.000*	
	PC giáo viên dạy học sinh khuyết tật	*142.800.000*	*100.000.000*	
	Sửa chữa	*600.000.000*	*648.850.000*	
3	**Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (18)**	**495.000.000**	-	
	Tiền thưởng	*495.000.000*	-	
II	**TỔNG CHI NSNN**	**18.296.170.631**	**14.571.162.406**	
1	**Kinh phí thường xuyên (12)**	**17.195.000.000**	**13.774.709.058**	
6000	**Tiền lương**	**8.336.385.379**	**6.252.867.092**	
6001	Lương theo ngạch, bậc	8.336.385.379	6.252.867.092	
6100	**Phụ cấp lương**	**4.485.019.692**	**3.252.820.649**	
6101	Phụ cấp chức vụ	137.133.000	106.678.360	
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	194.813.572	162.141.271	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	3.420.000	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	2.534.589.677	1.863.089.282	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	35.652.000	22.200.000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	1.579.411.443	1.098.711.736	
6149	Phụ cấp khác			
6150	**Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học**	-	-	
6199	Các khoản hỗ trợ khác			
6200	**Tiền thưởng**	**80.262.000**	**46.190.000**	
6201	Thưởng thường xuyên	80.262.000	46.190.000	
6250	**Phúc lợi tập thể**	**18.895.000**	**25.091.110**	
6299	Chi khác	18.895.000	25.091.110	
6300	**Các khoản đóng góp**	**2.423.878.395**	**1.719.180.051**	
6301	Bảo hiểm xã hội	1.805.492.695	1.280.351.305	

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
6302	Bảo hiểm y tế	309.447.606	219.399.836	
6303	Kinh phí công đoàn	205.788.891	146.295.633	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	103.149.203	73.133.277	
6400	**Các khoản thanh toán khác cho cá nhân**	**254.661.692**	**427.726.979**	
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	182.931.692	372.455.179	
6449	Chi khác	71.730.000	55.271.800	
6500	**Thanh toán dịch vụ công cộng**	**122.115.123**	**133.854.672**	
6501	Tiền điện	114.339.123	126.006.672	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	7.776.000	7.848.000	
6550	**Vật tư văn phòng**	**34.394.000**	**185.611.420**	
6551	Văn phòng phẩm	6.959.000	27.424.100	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	15.840.000	141.813.320	
6599	Vật tư văn phòng khác	11.595.000	16.374.000	
6600	**Thông tin, tuyên truyền, liên lạc**	**18.451.156**	**16.932.690**	
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	1.337.556	2.177.390	
6603	Cước phí bưu chính			
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	3.768.000	3.768.000	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	11.197.600	10.987.300	
6649	Khác	2.148.000		
6650	**Hội nghị**	**5.000.000**	**11.400.000**	
6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	-	11.400.000	
6657	Các khoản thuê mướn khác	5.000.000	0	
6700	**Công tác phí**	**269.436.908**	**268.666.000**	
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	48.486.908	54.746.000	
6702	Phụ cấp công tác phí	113.150.000	107.050.000	
6703	Tiền thuê phòng ngủ	107.800.000	94.870.000	
6704	Khoán công tác phí	-	12.000.000	
6750	**Chi phí thuê mướn**	**94.250.000**	**131.600.000**	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	17.000.000	12.100.000	
6754	Thuê thiết bị các loại	2.000.000	17.000.000	
6757	Thuê lao động trong nước	75.250.000	73.550.000	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	-	-	
6759	Chi phí thuê mướn khác	-	28.950.000	
6900	**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**266.208.000**	**281.992.219**	
6907	Nhà cửa	159.931.000	164.199.127	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	37.480.000	35.950.500	
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	6.908.000	900.000	

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
6921	Đường điện, cấp thoát nước		16.078.520	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	61.889.000	64.864.072	
6950	**Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn**	**103.100.000**	**80.897.000**	
6955	Tài sản và thiết bị văn phòng		14.000.000	
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	103.100.000	66.897.000	
7000	**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành**	**628.958.746**	**561.500.120**	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	191.026.846	187.017.000	
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	23.500.000	19.750.000	
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	8.420.000	22.660.000	
7049	Chi khác	406.011.900	332.073.120	
7050	**Mua sắm tài sản vô hình**	-	**6.000.000**	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		6.000.000	
7750	**Chi khác**	**18.613.909**	**43.655.000**	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	676.909		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		15.015.000	
7761	Chi tiếp khách	17.937.000	18.700.000	
7799	Chi các khoản khác		9.940.000	
7850	**Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp**	**35.370.000**	**23.988.000**	
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	35.370.000	23.988.000	
7950	**Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định**	-	**304.736.056**	
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	-	304.736.056	
	Chi lập Quỹ phúc lợi	-	-	
	Chi lập Quỹ khen thưởng	-	-	
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	-	
2	**Kinh phí không thường xuyên (12)**	**606.170.634**	**796.453.348**	
6100	**Phụ cấp lương**	**128.439.634**	**81.965.548**	
6149	Phụ cấp khác	128.439.634	81.965.548	
6510	**Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học**	**37.050.000**	**41.120.000**	
6151	Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)	7.200.000	11.720.000	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	29.850.000	29.400.000	
	Các khoản hỗ trợ khác			
6900	**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**413.226.000**	**645.027.800**	
6907	Nhà cửa	413.226.000	645.027.800	

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
7050	**Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn**	-		
	Tài sản và thiết bị khác	-	-	
7750	**Chi khác**	**27.455.000**	**28.340.000**	
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	27.455.000	28.340.000	
3	**Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (18)**	**494.999.997**	-	
6200	**Tiền thưởng**	**494.999.997**		
6201	Thưởng thường xuyên	494.999.997		
B	**NGUỒN THU**			
I	**Thu sự nghiệp, dịch vụ**	**1.150.058.000**	**1.100.908.000**	
1	Thu học phí	1.003.257.500	1.074.385.000	
2	Thu căn tin	146.800.500	-	
3	Lệ phí thi TN nghề PT	-	26.523.000	
II	**TỔNG CHI TỪ NGUỒN THU**	**1.350.111.180**	**1.196.175.020**	
1	**Chi từ nguồn học phí**	**1.266.717.130**	**1.169.652.020**	
6000	**Tiền lương, phụ cấp lương**	**466.533.600**	**428.832.554**	
6001	Tiền lương theo ngạch bậc	466.533.600	428.832.554	
6050	**Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng**	**176.778.600**	**218.400.000**	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	176.778.600	218.400.000	
6100	**Phụ cấp lương**	**126.937.207**	**227.497.539**	
6101	Phụ cấp chức vụ	3.024.000	7.143.640	
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	32.631.525	-	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	108.000	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	55.969.294	123.946.408	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	648.000	21.734.060	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	34.556.388	74.673.431	
6250	**Phúc lợi tập thể**	**4.795.200**	**3.021.792**	
6299	Chi khác	4.795.200	3.021.792	
6300	**Các khoản đóng góp**	**95.906.781**	**212.654.340**	
6301	Bảo hiểm xã hội	71.419.942	162.318.995	
6302	Bảo hiểm y tế	12.243.420	25.167.670	
6303	Kinh phí công đoàn	8.162.279	16.778.450	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	4.081.140	8.389.225	
6400	**Thanh toán dịch vụ công cộng**	-	-	
6404	Tiền điện			
6449	Vệ sinh môi trường			

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
6550	**Vật tư văn phòng**	**63.250.728**	**-**	
6551	Văn phòng phẩm	18.313.728		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	31.492.000		
6599	Vật tư văn phòng khác	13.445.000		
6600	**Thông tin, tuyên truyền, liên lạc**	**662.475**	**-**	
6601	Cước phí bưu chính			
6605	Internet, ruyền hình cáp	662.475		
6650	**Hội nghị**	**7.800.000**	**-**	
6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	7.800.000		
7600	**Công tác phí**	**16.580.000**	**-**	
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	1.330.000		
6702	Phụ cấp công tác phí	2.050.000		
6703	Tiền thuê phòng nghỉ	1.200.000		
6704	Khoán công tác phí	12.000.000		
6750	**Chi phí thuê mướn**	**61.870.000**	**32.630.000**	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	1.500.000		
6754	Thuê thiết bị các loại	5.500.000	7.000.000	
6757	Thuê lao động trong nước	50.900.000	9.300.000	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	3.970.000	16.330.000	
6799	Chi phí thuê mướn khác			
6900	**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**140.817.620**	**42.886.970**	
6907	Nhà cửa	72.292.520	41.335.370	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	4.200.000		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng			
6921	Đường điện, cấp thoát nước	55.025.100	1.551.600	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	9.300.000		
6950	**Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn**	**23.400.000**	**-**	
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	23.400.000		
7000	**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành**	**61.999.700**	**-**	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	10.898.300		
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động			
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành			
7049	Chi khác	51.101.400		
7050	**Mua sắm tài sản vô hình**	**-**	**220.825**	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		220.825	
7750	**Chi khác**	**18.575.219**	**2.020.000**	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	514.219		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	14.861.000		
7761	Chi tiếp khách		1.800.000	

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
7799	Chi các khoản khác	3.200.000	220.000	
7850	**Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp**	**810.000**	**1.488.000**	
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	810.000	1.488.000	
2	**Chi từ nguồn thu căntin**	**83.394.050**	**-**	
	Nộp thuế	**14.680.050**	**-**	
	Nộp thuế GTGT	7.340.025	-	
	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	7.340.025	-	
6900	**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**45.512.000**	**-**	
6907	Nhà cửa	45.512.000	-	
7750	**Chi khác**	**23.202.000**	**-**	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	23.202.000	-	
3	**Chi từ nguồn thu phí lệ phí (lệ phí thi TN nghề PT)**	**-**	**26.523.000**	
7000	**CP nghiệp vụ chuyên môn từng ngành**	**-**	**26.523.000**	
7049	Chi khác	-	26.523.000	
C	**THU HỘ , CHI HỘ**			
I	**Thu hộ**	**219.521.300**	**695.796.416**	
1	NS tỉnh (tiền gửi)	104.091.000	111.344.000	
2	NS huyện hỗ trợ	25.000.000	525.000.000	
3	KP chăm sóc sức khỏe ban đầu	55.347.300	53.836.416	
4	Nước uống học sinh	27.955.000	-	
5	Giấy thi giấy nháp	7.128.000	5.616.000	
II	**Chi hộ**	**182.805.000**	**693.099.720**	
1	NS tỉnh (tiền gửi)	104.091.000	111.344.000	
2	NS huyện hỗ trợ	25.000.000	525.000.000	
3	KP chăm sóc sức khỏe ban đầu	23.060.000	21.340.000	
4	Nước uống học sinh	22.455.000	29.831.720	
5	Giấy thi giấy nháp	8.199.000	5.584.000	
D	**QUỸ CƠ QUAN**			
I	**THU**	**6.048.067**	**304.736.056**	
1	Quỹ khen thưởng	3.050.545	-	
2	Quỹ phúc lợi	-	-	
3	Quỹ phát triển	-	-	
5	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	2.997.522	304.736.056	

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
II	**CHI**	**674.353.746**	**187.644.400**	
1	Quỹ khen thưởng	38.800.000	15.400.000	
2	Quỹ phúc lợi	557.849	38.384.400	
3	Quỹ phát triển	-	133.860.000	
5	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	634.995.897	-	
E	**NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG**	**1.895.665.580**	**1.110.774.000**	
I	**Ngân sách**	**1.469.000.000**	**300.000.000**	
1	Nguồn CCTL	1.469.000.000	300.000.000	
II	**Nguồn thu trích CCTL**	**426.665.580**	**810.774.000**	
1	Học phí	401.303.000	810.774.000	
2	Căn tin	25.362.580	-	